Unit 3 - Future time

1. Lý thuyết

A. Các cách nói về tương lai cơ bản (Will vs Going to vs Present Continuous)

Ex:

I will see you tomorrow. → I won't see you

Your friend will be jealous. (bạn của bạn sẽ rất ghen tỵ)

(dự định không chắc chắn / lời hứa hẹn / một dự đoán không có cơ sở)

I am going to see you tomorrow

Your friend is going to be jealous (because **I refused to see him yesterda**y)

(**dự định hơi chắc chắn, dự đoán có cơ sở**)

I am seeing you tomorrow.

(dự định rất chắc chắn 100%)

He will fall from the chair. (trù ẻo)

He is going to fall from the chair. (có căn cứ - nhìn thấy người bị mất thăng bằng)

- **Will + V : dự định không chắc chắn / lời hứa hẹn / một dự đoán không có cơ sở)**
- **Be Going to + V : (dự định hơi chắc chắn, dự đoán có cơ sở)**
- **Hiện tại tiếp diễn (dự định rất chắc chắn 100% trong tương lai)**

- **Shall với "I/We" > dùng để đề nghị/ yêu cầu, rủ rê**
- Shall I clean the table?
- Shall we go to the movies tonight?

B. Phân biệt may/might/can/could/must/should/ ought to khi nói về khả năng xảy ra 1 việc nào đó

Possible (25%)	Probable (40%)	Certain (99%)	Examples
May might could	should ought to	must can't	1. It may rain. 2.

VOCABULARY: Money and shopping

afford (v): đủ khả năng mua cái gì
cash (n): tiền mặt
change (n): sự thay đổi/ tiền lẻ, tiền trả lại
cheque (UK) (n) / check (US): kiểm tra/ tờ séc
cost (v): giá cả
credit card (n): thẻ tín dụng
earn (v):kiếm được
lend (v):cho vay
owe (v):nợ
pay / paid (v):trả

ANH NGỮ PEA
Địa chỉ: Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 0243 20 10581

LIVEWORKSHEETS

pocket money (n):tiền tiêu vặt
price (n):giá
save / save up (v):tiết kiệm
sell (v):bán
spend (v):tiêu
waste (v):phung phí
Taxes (n) thuế
Bank statement (n) kê khai từ ngân hàng
Bank account (n) tài khoản ngân hàng

Changing nouns and verbs into adjectives (Biến danh từ/động từ thành tính từ)

noun/verb > adjective +-able

Afford: đủ khả năng	affordable: có thể chi trả
Comfort: an ủi	comfortable: thoải mái
Enjoy:thưởng thức	enjoyable:thú vị
Notice:để ý	noticeable:đáng chú ý

noun/verb > adjective -ible

Horror:kinh dị	horrible:tệ hại
Possibility:khả năng	possible:có thể
Rely:phụ thuộc	reliable:đáng tin cậy, chắc chắn
Sense:giác quan	sensible: hợp lí, khôn ngoan
Terror:sự kinh khủng	terrible:kinh khủng

noun/verb > adjective -ous

Danger:sự nguy hiểm	dangerous:nguy hiểm
Fame:danh tiếng	famous:nổi tiếng
Ambition(n):tham vọng	ambitious: đầy tham vọng

noun/verb > adjective -ful:

Care:quan tâm	careful:cẩn thận
Harm:làm hại	harmful: có hại
Hope:mong muốn	hopeful: đầy hy vọng
Success: thành công	successful: có thành tựu
Use:sử dụng	useful:hữu ích

noun/verb > adjective -y

Mess:sự lộn xộn	messy:lộn xộn
Mood:tâm trạng	moody:buồn bã
Scare:sự sợ hãi	scary:sợ hãi
sleep:ngủ	sleepy:buồn ngủ

Making adjectives negative (chuyển tính từ thành dạng "phủ định")

Im	- immature: chưa trưởng thành
	Impatient: nóng nảy, không kiên nhẫn
	Impossible:không thể
	Impractical:không thực tế
In-	inappropriate:không phù hợp
	Independent: độc lập, không phụ thuộc
	Inexpensive: không tốn kém
	Informal: không nghiêm trang, kém trang trọng
	Invisible: vô hình
un-	unable:không thể
	Unacceptable:không thể chấp nhận
	Uncomfortable:không thoải mái

ANH NGỮ PEA
Địa chỉ: Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 0243 20 10581

LIVEWORKSHEETS

Unfit:không khỏe
Unreliable:không đáng tin
Untidy:bừa bộn
Unusual:bất thường

Phrasal verbs (Cụm động từ)

catch up (with) : bắt kịp
chill out : thư giãn
clear out: tẩu thoát
clear up : dọn sạch
come round : đi vòng quanh
end up: kết thúc
find out: tìm ra
get out (of bed): ra khỏi
give back: trả lại
go out (with): đi ra ngoài
grow up:lớn lên
Save up:tiết kiệm
sort out:chọn ra
stay up:thức
switch off:tắt
take up: thử/bắt đầu 1 sở thích…
throw out:ném đi
tidy up:dọn dẹp
turn up:xuất hiện

1 số động từ/danh từ > tính từ

Humour (n) khiếu hài hước > humorous (adj) hài hước
Tear (n) nước mắt > tearful (adj) đẫm nước mắt
depend (v) phụ thuộc > dependent (adj) phụ thuộc
Dependable (adj) có thể tin tưởng, dựa dẫm
Beauty (n) vẻ đẹp > beautiful (adj) đẹp
Change (v) thay đổi > changeable (adj) có thể thay thế, dễ thay đổi
Cheer (v) ăn mừng > cheerful (adj) vui vẻ
Fury (n) sự tức giận > furious (adj) trở nên tức giận
Laugh (v) cười > laughable (adj) nực cười

ANH NGỮ PEA
Địa chỉ: Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 0243 20 10581

LIVEWORKSHEETS

2. Bài tập

LIVEWORKSHEETS

1 Choose the best word to complete these sentences. 1 *Is/Will* Tim playing with the band this evening? 2 Bye, Sam. We'll *seeing/see* you later. 3 *Will/Shall* we stay at home and do some revision this afternoon? 4 I *am/will* not going to finish my book today. 5 My friend Pat *is/will* doing Spanish this year. 6 Paul is *going/will* to be really excited when he hears the news! 7 Let's go to the cinema! No, I'm afraid we'll *be/being* too late to catch the film. 8 My dad *is/will* give you a lift home later. 9 Robin *will/shall* win the competition, I'm sure! 10 We *are/will* going to Italy for Easter. 11 *Are/Will* you going to computer club at lunch time? 12 Paula *is/going to* coming to my house to revise for the exam. 13 When is Tina *take/taking* her music exam? 14 Our hockey team *won't/aren't* win the cup this year. 15 Is Bob *going/will* to join the choir?	1. Is 2. See 3. Shall 4. Am 5. Is 6. Is going 7. Be 8. Will 9. Will 10. Are 11. Are 12. Is 13. Taking 14. Won't 15. Going
Tom's parents 1) *are moving/will move* to a new house soon. But Tom is not very keen on the idea! Tom's Mum says, '2) *Will/Shall* we go and look round it this afternoon? I know you're 3) *loving/going to love* it!' When they arrive, his mother shows him the garden. 'Look, isn't it lovely! Dad says he's 4) *going to fix/fixing* a basketball net on the back wall for you. Come on, aren't you 5) *going to have/having* a look inside?' Tom reluctantly follows her inside. 'Which bedroom are you 6) *going to have / having*, Tom? Dad and I 7) *are having/will have* the big room at the front.' In the end, Tom admits he quite likes the house. As it's just round the corner from the school, it means he 8) *is going to/will* be able to stay in bed longer in the mornings!	Hân + Trang 1. Are moving 2. Shall □ 3. going to love □ 4. Going to fix □ 5. Going to have 6. Going to have □ 7. Are having 8. Will □

ANH NGỮ PEA
Địa chỉ: Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 0243 20 10581

LIVEWORKSHEETS

3 Write the correct form of the verb in brackets to complete these sentences. 1 The clouds look very heavy. It looks as if it ..... (snow.) 2 Ellie can't come to the party because she ..... (stay) with her aunt this weekend. 3 ..... (I buy) two tickets for the concert? 4 'I can't afford to get an ice cream.' ' Oh come on, I ..... (pay)!' 5 The bus is stuck in traffic. Tom ..... (be) late for school. 6 Which subjects ..... (you choose) to study next year? 7 I'm sure you ..... (get) on with my friend Francis. 8 Tom ..... (do) his best in the competition.	H + Châu 1.is going to snow 2.is going to stay/ is staying 3.Shall I buy 4.will pay 5. Is going to be 6. are you going to choose 7. Will get 8.is going to do
4 Choose the *will, shall* or the present continuous form of the verb in brackets to complete these sentences. 1 I'm sure the train ..... (be) crowded. It always is at the beginning of the holidays. 2 This afternoon a professional footballer ..... (come) to talk about fitness. 3 ..... (I invite) your brother to the barbecue? 4 When ..... (you do) your history homework? 5 'What are you going to do after school?' ' I think I ..... (go) to chess club today.' 6 I have to miss the swimming class tomorrow, because I ..... (pack) for the holiday. 7 What ..... (we buy) from the canteen? 8 I promise I ..... (never let) my room get in such a mess again!	**Uyên (1⇒4) + Giang (5⇒8)** 1 will be 2 is coming 3 shall I invite 4 will you do/ are you doing 5. Will go 6. am packing 7. shall we buy 8. Will never let

ANH NGỮ PEA
Địa chỉ: Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 0243 20 10581

LIVEWORKSHEETS

1 Choose the correct form of the verbs to complete the sentences.

1 Dan *must/may* be really excited, because his favourite band, Coldplay, is doing a gig in his town.
2 If he books right away, he *could/should* be able to get tickets to see them.
3 Jeremy says he *might/should* go with him, if he can borrow the money.
4 Dan is worried because he thinks the tickets *may/must* sell out quickly.

1. Must
2. Should
3. Might
4. Must

5 They that it *must/might* be easier to book on the internet.
6 They are already sold out! Never mind – someone *can't/may* be selling some tickets online.
7 'Wow! They *might/can't* be asking £50 for a ticket! That's incredible!'
8 He says he definitely *should/may* have enough money in his bank account.
9 It says here we *ought to/must* bring ID with us or we won't get in.

5. Might
6. May
7. Can't
8. Should
9. Must

Who's going to be in the basketball team this term?

definitely	quite likely	maybe	definitely not
Joseph	Phil	Tom	Jack
Anthony	Liam	Youssef	
Kieran		Salim	
Mark			

1 Joseph and Anthony ..... get into the team. They're both excellent players.
2 Liam ..... be selected, even though he's a bit unfit.
3 Jack ..... be in the team. He hates basketball!
4 Tom ..... be good enough, we'll see!
5 Youssef is a great player, but he ..... not want to join this term.
6 Phil ..... get in this time, he's improved so much.
7 Salim is trying very hard and he ..... be good enough.

1. Must
2. Should
3. Can't
4. may/might
5. may/might
6. should/ ought to
7. May / might

ANH NGỮ PEA
Địa chỉ: Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 0243 20 10581

LIVEWORKSHEETS

3 Complete the second sentences using *must, should* or *might* so they mean the same as the first sentences.

1 I'm sure the bus will get here soon.
The bus ..... get here soon.
2 It's likely that we will get to the station in time.
We ..... get to the station in time.
3 It's possible that Keith will be on the 2.30 train.
Keith ..... be on the 2.30 train.
4 He is definitely happy to be coming home.
He ..... be happy to be coming home.
5 I'm not sure if we have got the right day!
We ..... not have the right day!

Money and shopping

1 Choose the correct word to complete the sentences.

1 I haven't got enough *cash/cheque* to pay for the DVD. I'll use my credit card.
2 I gave him a £10 note, and he only gave me £1.50 *money/change*.
3 Ella has to work to *earn/owe* her pocket money.
4 Do you think this MP3 player would *cost/price* more than the iPod?
5 'Could you *save/lend* me £200? I can pay you back tomorrow!'
6 Children often *pay/spend* their pocket money the same day they get it.
7 Have you *spent/paid* for your piano lessons yet?
8 'How much do I *owe/earn* you?' ' I lent you £1 yesterday.'

1. Cash
2. Change
3. Earn
4. Cost
5. Lend
6. Spend
7. Paid
8. Owe

ANH NGỮ PEA
Địa chỉ: Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 0243 20 10581

LIVEWORKSHEETS

2 Write the correct adjective after each definition. The first letter is given. 1 Something which is quite frightening is s..... 2 Someone who behaves intelligently is s..... 3 Someone that everyone recognises is f..... 4 Something which is always bad for you is h..... 5 Something that might cause damage is d..... 6 Someone who does well in life is s..... 7 Something that you can easily see is n..... 8 Someone who thinks everything will be OK is h.....	1. Scary 2. Sensible/ smart 3. Famous 4. Harmful 5. Dangerous 6. Successful 7. Noticeable 8. Hopeful
3 Write the correct form of the word in capitals to complete these sentences. 1 Sarah didn't think the comedian was very ..... at all. HUMOUR 2 The film was so sad we got quite ..... . TEAR 3 I'll ask David to help me as he's totally ..... . DEPEND 4 Wow! Your new silver shoes are ..... ! BEAUTY 5 The weather is very ..... at the moment. CHANGE 6 Danny manages to stay ....., even during exams. CHEER 7 Mr Goodwin got absolutely ..... this afternoon. FURY 8 We lost the match 15 nil. It was ..... ! LAUGH	1. Humorous 2. Tearful 3. Dependable 4. Beautiful 5. Changeable 6. Cheerful 7. Furious 8. Laughable

ANH NGỮ PEA
Địa chỉ: Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 0243 20 10581

LIVEWORKSHEETS

Do you think it would be a good idea to have Money Management classes in school? Managing money is very complicated in the modern world. Do the questionnaire to see if you need some help!

1 Do you know how to choose the right kind of bank ..... for you? YES/NO

2 Do you know if you need a cheque book and a ..... card? YES/NO

3 Do you know how to write a ..... to pay for something? YES/NO

4 Do you understand your monthly bank .....? YES/NO

5 Do you know the best way to ..... your money, if you some left over? YES/NO

6 Do you understand about the ..... that you will have to pay the government? YES/NO

7 Do you know how to ..... money from a bank, if you need some extra money? YES/NO

8 Do you know what to do if you ..... money and you can't afford to pay? YES/NO

Group 4

statement owe taxes account
cheque credit save borrow

1. Account
2. Credit
3. Cheque
4. Statement
5. Save
6. Taxes
7. Borrow
8. Owe

ANH NGỮ PEA
Địa chỉ: Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 0243 20 10581

LIVEWORKSHEETS

Use your English

1 Complete the sentences with the correct adjective form of these words.

memory care notice danger
hope horror rely sleep

1 The soup is much too salty. It's ..... !
2 Dad's car isn't very ..... . It keeps on breaking down.
3 I keep on singing that stupid tune! I hate it, but it's very ..... .
4 Be ..... on the steps! They're very slippery.
5 'Shall we watch the late night film?' 'No, I'm going to bed. I'm really ..... .'
6 That stain on the front of Steve's shirt is very ..... .
7 I'm not sure if I've passed the exam, but I'm quite ..... .
8 Abseiling looks a very ..... sport.

Use your English

1 Complete the sentences with the correct adjective form of these words.

memory care notice danger
hope horror rely sleep

1 The soup is much too salty. It's horrible !
2 Dad's car isn't very reliable. It keeps on breaking down.
3 I keep on singing that stupid tune! I hate it, but it's very memorable.
4 Be careful on the steps! They're very slippery.
5 'Shall we watch the late night film?' 'No, I'm going to bed. I'm really sleepy.'
6 That stain on the front of Steve's shirt is very noticeable. (stain: vết bẩn/ ố)
7 I'm not sure if I've passed the exam, but I'm quite hopeful .
8 Abseiling looks a very dangerous sport.

2 Make a negative word from the word in brackets to complete the text.

Does your mum expect you to wear **1)** ..... (possible) clothes? Does she seem **2)** ..... (able) to understand your taste? Some people feel really **3)** ..... (happy) if their clothes aren't 'right'. They often wear **4)** ..... (appropriate) clothes, just because they look cool. A lot of girls wear really **5)** ..... (comfortable) shoes with high heels or pointed toes. These are fine for the evening, but they are **6)** ..... (suitable) for every day wear. Some people only buy from High Street shops because they are afraid small boutiques will be **7)** ..... (reliable). Some people like to buy **8)** ..... (expensive) clothes from charity shops. You can put together some very **9)** ..... (usual) outfits that no one else will be wearing. Of course, if you have to wear a uniform to school, it's **10)** ..... (likely) that you will look cool at school. But, who cares! At least you all look the same.

2 Make a negative word from the word in brackets to complete the text. (un-, im-, in-)

Does your mum expect you to wear **1)** impossible (possible) clothes? Does she seem **2)** unable (able) to understand your taste? Some people feel really **3)** unhappy (happy) if their clothes aren't 'right'. They often wear **4)** inappropriate (appropriate) clothes, just because they look cool. A lot of girls wear really **5)** uncom... (comfortable) shoes with high heels or pointed toes. These are fine for the evening, but they are **6)** unsuitable (suitable) for every day wear. Some people only buy from High Street shops because they are afraid small boutiques will be **7)** unreliable (reliable). Some people like to buy **8)** inexpensive (expensive) clothes from charity shops. You can put together some very **9)** unusual (usual) outfits that no one else will be wearing. Of course, if you have to wear a uniform to school, it's **10)** unlikely (likely) that you will look cool at school. But, who cares! At least you all look the same.

ANH NGỮ PEA
Địa chỉ: Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 0243 20 10581

LIVEWORKSHEETS

4 Complete the text with the correct form of the word in capitals. Sometimes you need to change the spelling of the word.

Keira just joined the netball team but the other girls are ..... about it. HAPPY
They say she's ..... to work with POSSIBLE
because she doesn't seem to take the game seriously. She's ....., and keeps PATIENT
shouting at the other girls to pass her the ball.
She doesn't do the training seriously, and is quite ..... She is often late FIT
for practice and isn't ....., as she RELY
loses concentration. She isn't always ..... on the court, SENSE
and sometimes trips people up by mistake.
Everyone knows you have to be very ..... not to hurt the other players, CARE
but her behaviour is often ..... ACCEPT
The team has been losing all their matches, but they are all hoping that if they drop her from the team they can be ..... again. SUCCESS

4 Complete the text with the correct form of the word in capitals. Sometimes you need to change the spelling of the word.

Keira just joined the netball team but the other girls are ...unhappy... about it. HAPPY
They say she's ...impossible to work with POSSIBLE
because she doesn't seem to take the game seriously. She's ...impatient..., and keeps PATIENT
shouting at the other girls to pass her the ball.
She doesn't do the training seriously, and is quite ...unfit... She is often late FIT
for practice and isn't ...reliable..., as she RELY
loses concentration. She isn't always ...sensible... on the court, SENSE
and sometimes trips people up by mistake.
Everyone knows you have to be very ...careful... not to hurt the other players, CARE
but her behaviour is often ..unacceptable ACCEPT
The team has been losing all their matches, but they are all hoping that if they drop her from the team they can be ..successful.. again. SUCCESS

3 Choose the correct word to complete the sentences.

1 I can't do question 4. It's .....!
A unpossible B impossible
C inpossible D impossable

2 Have you seen the new version of 'The ..... Man'?
A Invisible B Unvisible
C Invisable D Invisible

3 Choose the correct word to complete the sentences.

1 I can't do question 4. It's .....!
A unpossible (B) impossible
C inpossible D impossable

2 Have you seen the new version of 'The ..... Man'?
(A) Invisible B Unvisible
C Invisable (D) Invisible

ANH NGỮ PEA
Địa chỉ: Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 0243 20 10581

LIVEWORKSHEETS

3 Mr Dalton said 'Sit still and be ..... !'
A sensible B senseful
C sensable D sense

4 There's an ..... cinema in Harrington Street which shows great films.
A independant B undependent
C independent D dependent

5 'What did you get for your birthday?' 'I was really ..... – I got a new bicycle.'
A luckful B luckous
C luckible D lucky

3 Mr Dalton said 'Sit still and be ..... !'
A sensible B senseful
C sensable D sense

4 There's an ..... cinema in Harrington Street which shows great films.
A independant B undependent
C independent D dependent

5 'What did you get for your birthday?' 'I was really ..... – I got a new bicycle.'
A luckful B luckous
C luckible D lucky

ANH NGỮ PEA
Địa chỉ: Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 0243 20 10581

LIVEWORKSHEETS